

BẢN LUẬN QUYỂN 5

Kế là nói về lạc của cõi Sắc:

Sơ tĩnh lự thọ ly sinh hỷ lạc, luận Hiển Dương quyển thứ hai chép: “Ly, nghĩa là do tu tập đối trị, dứt trừ chướng bị đối trị mà được chuyển y.

Sinh, nghĩa là từ tĩnh lự này sinh ra.

Hỷ, nghĩa là người đã chuyển y, dựa vào tâm chuyển thức, tâm vui vẻ, tâm phần khởi, tâm thích hợp, điều hòa yên ổn, vừa ý thuộc về thọ thọ.

Lạc, nghĩa là người đã chuyển y, nương tựa thức A-lại-da, chủ thể sở y nhiếp thọ, làm cho thân được yên vui, vừa ý, thuộc về thọ thọ.

Tĩnh lự thứ hai, thọ định sinh hỷ lạc, Định là đã chuyển y: Tâm trụ một cảnh, tức định đắc ở trước. Sanh: Nghĩa là từ định sinh ra. Hỷ lạc như trước nói, không phải như sơ định đầu tiên mới được lia, cho nên nói là định sinh. Vì trước sơ định chưa có định, nên chỉ nói là ly sinh, không nói định sinh.

Đệ tam tĩnh lự thọ ly hỷ diệu lạc. Nghĩa là hoặc “Duyên” lia dục thứ hai, tăng thượng giáo pháp; hoặc “Duyên” sự truyền dạy kia làm cảnh giới, đã nhận thấy được lỗi lầm của tướng hỷ của tĩnh lự thứ hai, rồi nhàm lia.

Diệu lạc: Nghĩa là người đã chuyển y, lia Hỷ, lia phần khởi, yên ổn, vừa ý, thuộc về thọ thọ, trong đây không nói về định sinh diệu lạc, vì rằng mới ly hỷ.

Đệ tứ tĩnh lự thọ xả niệm thanh tịnh, niềm vui vắng lặng không xao động. Lia nhiễm thô của hai định địa dưới, vì pháp không xao động. Nghĩa là sơ định lia ưu, nhị định lia khổ Tầm, tứ; tam định lia hỷ; tứ định lia lạc và hơi thở ra vào, nên gọi là tịch tịnh, bất động.

Xả thanh tịnh. Nghĩa là vượt qua tất cả trạng thái giao động, tâm không quên mất, mà tánh sáng suốt, rõ ràng. Vì hai yếu tố vượt vượt hơn hết này, cho nên nói riêng. Dưới đây sẽ nói về thọ của cõi Vô Sắc.

Niềm vui giải thoát rất vắng lặng. Nghĩa là không xứ lia tướng sắc, diệt tướng có đối, thôi dứt mọi thứ tướng. Thức xứ lia tướng “Không”, duyên” Thức vô biên của Không xứ kia.

Vô sở hữu xứ lia tướng của thức vô biên, tìm kiếm cảnh giới trên thức xứ, không có chút sở đắc, trừ vô sở hữu.

Phi tướng, Phi phi tướng xứ vượt qua tướng vô sở hữu, “Duyên” cảnh giới trên vô sở hữu xứ, chỉ được tâm, tâm sở rất vi tế của vô sở hữu

xứ. Vì tướng này, nên gọi là rất vắng lặng. Tùy theo lia chướng của Địa dưới, gọi là vui giải thoát.

Luận Đối pháp cũng nói: “Dị thực vắng lặng. Diệt định này và định thứ tư, tiếp nhận sự yên ổn, thích hợp của thân, tâm, gọi là lạc, thể chẳng phải lạc thọ.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, nói chung trong khổ, vui, hơn, kém, khác nhau được chia làm ba:

1) Nói về sáu xứ thù thắng.

2) Nói về thánh chẳng phải thánh tài.

3) Lại, ngoại đạo có người muốn v.v...” trở xuống, là nói nổi khổ khác nhau của thọ dục.

Trong sáu xứ thù thắng, ý nói rõ về địa ngục, từ trên đến dưới, nổi khổ càng mang tính chất đặc biệt.

Nói không có phân biệt lựa chọn, nghĩa là không biết nghiệp của mình trái với ngục tốt sân, xoay vần si,

Khổ khí tăng dần, Luận sư cảnh nói: “Nghiệp ác là chỗ nương tựa của báo khổ, gọi là khổ khí (đồ đựng khổ), do nghiệp tăng, giảm, nên nổi khổ cũng tăng, giảm.

Nay, giải thích: “Sở y, là nơi chốn vui, trái với khổ.

Có phân biệt: Nghĩa là rất dễ hiểu được nghiệp đời trước được quả thiện đời này, mà tu thiện lạc, quả mới gia tăng. Nếu nói là do ta tự nhiên được niềm vui, không do nghiệp trước, thì điều thiện đã nhỏ dần, niềm vui chóng diệt, cho nên chẳng thù thắng.

Trong Thánh tài khác với chẳng phải thánh tài. Không có tâm tư, luân thạch v.v... Nghĩa là không có tâm tìm kiếm, tâm, tư, do cái vô luân thạch đập nện, đập xéo vào thân, làm cho thân được thấm nhuần lâu dài. Đây là phương pháp ma sát của các nước phương Tây (Thiên-trúc).

Cỏ cát tường: đạo nhân ở phương Tây khi tu hành, lấy cỏ cát tường này, hoặc dùng quả tần lãi hoặc đựng đầy vật rồi tặng cho người tu hành. Dùng vật tốt lành để biểu cho sự cát tường, gọi là công cụ thanh tịnh quả tần thích là quả tần bà.

Luận sư Cảnh nói: “Hình dáng quả ấy giống như cây chanh gai (cây chỉ xác) Trong ruột quả ấy như màu uất kim.

Thể của bảy thánh tài tùy theo sự thích ứng mà có cả hữu lậu, vô lậu, giới, văn phần nhiều hữu lậu. Xả, tức tuệ thí, hoặc chung cho số xả. Vì bảy pháp vượt hơn này, nên lập riêng thánh tài. Không phải thánh, vì phần nhiều khởi lên bảy pháp trái nhau.

Trong sự khác nhau dưới đây, lấy niềm vui của ba cõi và niềm vui không trói buộc làm thánh tài. Do đây mà biết mà các điều thiện chiêu cảm dị thực của ba cõi, không thuận với xuất thế, gọi là chẳng phải thánh tài. Thuận với việc lành xuất thế, ba cõi tất cả và không trói buộc, đều gọi là thánh tài.

Mười lăm thứ sai khác: Nghĩa là mười thứ đầu, lại mỗi chữ đều khởi hành vì thiện, ác.

- 1) Khởi hành vì thiện ác.
- 2) Sinh hữu không có tội, tội sẽ có quả xấu.
- 3) Thân khấp, không khấp.
- 4) Thời tiết dài, ngắn, duyên ngoài là công cụ giúp đỡ, nội duyên là chánh pháp thánh đạo.
- 5) Địa rộng, hẹp.
- 6) Dẫn ra dài, ngắn.
- 7) Có không cùng tận.
- 8) Đoạt, không đoạt. Đoạt tức là nắm nhà xâm hại.
- 9) Trì, không trì.
- 10) Túc, bất túc. Túc: Nghĩa là đạo Vô học của ba thừa viên mãn.

“Chữ hựu” trở xuống có năm:

- a) Có sợ hãi.
- b) Có oán đối.
- c) Có kết giao ngang trái.
- d) Có phiền não nóng bức.
- đ) Không thể dứt trừ khổ lớn của đời sau.

Trong có phiền não nóng bức, như người bệnh ghẻ lở, buồn bực mà cảm thấy rất vui, giống như vui thật là khổ mà vọng nghĩ là vui, vui của thế gian cũng thế. Bệnh hủi, bị vi trùng đục khoét, vọng sinh cảm giác vui, sự giàu sang cũng thế.

Vấn trong thọ dục khác nhau được chia làm hai:

- 1) Nêu năm đức để phô bày tuệ mạng khác với nhiễm dục.
- 2) “Trong đây” trở xuống, chỉ riêng năm lỗi để phân biệt với tuệ mạng. Năm lỗi trong đó như thứ lớp trái với năm đức trước:
 - 1) Hạnh nhiễm, nói không phân biệt, xả bỏ là si.
 - 2) Chẳng phải rốt ráo, vì vô thường.
 - 3) Không phải hoàn toàn định, vì một mặt khởi hỷ ái; một mặt khởi ưu, giận v.v...
 - 4) Chẳng phải không sai lầm, vì tà tuệ mạng, dù đã lìa dục mà vẫn

còn khởi lui sụt.

5) Chẳng chân thật. Chữ “Hựu” của hai pháp sau, là đối tượng sáng tỏ. Trong đó, chữ “Hựu” đầu, nghĩa là chân chứng tỏ không phải chân thật. Chữ “Hựu” sau, nêu chưa chế ngự được ma, mà lại nói chẳng phải thật.

Nói ma quân: Như Luận Trí Độ nói: “Mười quân như dục v.v... Sự ma, nghĩa là tạo ra nghiệp bất thiện”.

Từ đây trở xuống, là thứ tư, khuyên nhằm chán ba cõi, ưa cầu vô lậu.

Lại nói là có hỷ của vị hữu ái, cho đến rơi vào hai cõi: Ở đây có hai thuyết:

1) Có hỷ của vị ái, là hỷ cõi Dục. Là hỷ của vị ái, nghĩa là phần lui sụt của hai định đầu, trụ phần định tịnh tương ứng với hỷ. Có hỷ vượt hơn lìa vị ái, tức là phần vượt hơn phần quyết định tương ứng với hỷ. Hai thứ này chỉ là tên cõi Sắc, thuộc về hai cõi.”

2) Nói ba cõi trong nhiều cõi, nghĩa là cõi Sắc, cõi Vô sắc là cõi đoạn. Hai cõi Dục, Sắc đều gọi là cõi Sắc. Trong đây có hỷ của vị ái là tham của hai tĩnh lự đầu cõi Dục tương ứng với hỷ. Là hỷ của vị ái là hai định đầu của cõi Dục không phải nhiễm hỷ. Trội hơn hỷ lìa vị ái là thuộc về cõi vô lậu đoạn. Hai định đầu rơi vào cõi Sắc; một định sau rơi vào cõi đoạn, cho nên nói thuộc về hai cõi. Ở đây là dựa vào trụ lạc, chẳng cho là thọ lạc, nghĩa là lúc nhập. Diệt định, thân lặng lẽ không động, gọi là trụ lạc. Ở trên, nói về thọ dụng khổ, vui. Thứ hai này nói về sự thọ dụng uống ăn.

Trung hữu sắp sinh, đã sinh tức là “Hữu” của năm đường. Chỉ rõ ra khỏi ba cõi, không cần bốn cách ăn. Duy thức quyển thứ tư chép: “Ăn có bốn cách”:

1) Đoàn thực: Lấy sự biến đổi, hư hoại làm tướng, nghĩa là cõi Dục quan hệ với ba thứ hương, vị, xúc, lúc thay đổi, hư hoại, làm thành việc ăn. Do sắc xứ này chẳng thuộc về đoàn thực, vì khi biến đổi hư hoại, sắc không có công dụng.

2) Xúc thực: Lấy cảnh xúc chạm làm tướng, nghĩa là xúc hữu lậu lúc vừa chấp lấy cảnh, nhiếp thọ hỷ v.v... có thể làm việc ăn. Dù xúc này tương ứng với các thức, thuộc về sáu thức, nhưng về nghĩa ăn trội hơn, nên có thể tiếp nhận hỷ, lạc thuộc về cảnh thô, tỏ rõ và thuận với sự giúp ích, vì xả giúp nuôi dưỡng vượt hơn.

3) Ý tứ thực: Lấy hy vọng làm tướng, nghĩa là tư hữu lậu đều chuyển với dục, mong cầu cảnh đáng yêu có thể là sự ăn. Tư này dù

tương ứng với các thức, thuộc ý thức, nghĩa ăn trội hơn, vì ý thức đối với cảnh, hy vọng là hơn.

4) Thức thực: Lấy chấp trì làm tướng, nghĩa là thức hữu lậu do thế lực của đoạn, xúc và tư tăng trưởng, có thể làm việc ăn. Thức này dù đi suốt qua tự thể của các thức, nhưng về nghĩa ăn của thức thứ tám vượt hơn, vì một loại chấp trì nối tiếp nhau vượt hơn. Do đó Tập luận chép: “Bốn cách ăn này thuộc về ba uẩn, năm xứ, mười một giới. Đoạn thực trong đây, hoặc có thuyết nói chỉ hương là thức ăn; như cái ăn của Trung hữu”. Hoặc có thuyết nói chỉ xúc là thức ăn, như gió v.v... trong tạng phủ của Na-lạc-ca v.v... chưa hẳn đủ cả ba. Đối với na-lạc-ca đến với xúc kia được tồn tại lâu, nghĩa là các đại địa ngục đều có thức ăn này. Quyển sáu mươi sáu nói không có cách ăn thô, nay nói tế, nghĩa là với vật vi tế kia, tiểu địa ngục cũng có. Do các đoàn thức khi biến đổi, hư hoại, mới có thể khởi tác dụng giúp cho các căn v.v... Do nhân duyên này, nên xúc thức kia được tồn tại lâu dài, không phải như Tiểu thừa cho rằng, khi nuốt cục sắt, tạm thời dứt được cơn đói, khát, nói là ăn. Ở đây, theo nghĩa của Đại thừa, thì khổ đói khát là nhẹ, cục sắt nóng, nước đồng sôi sinh ra khổ là nặng. Lấy nặng để thoát khỏi cái khổ nhẹ, không có cảm giác đói, khát, chứ không phải cho rằng, cục sắt v.v... có tác dụng của thức ăn kia.

Thứ ba, là trong sự thọ dụng dâm dục, Na-lạc-ca không có việc dâm, nghĩa là cả bốn thứ địa ngục đều không có.

Có thuyết nói: “Tám ngục lạnh, nóng không có, chỉ Nhất Đăng là có”.

Hỏi: “Trừ hai tầng trời trên đã không có nghiệp thọ, sao lại có người kia không cho lấy nghiệp đạo dục tà hạnh?”

Đáp: Đối với biến hóa không có quả nghiệp nghiệp thọ, nghĩa là duyên cơ có hai nghiệp đạo. Hoặc có nghiệp đạo kia, không có nghiệp đạo này cũng đâu có sai lầm.”

Luận sư Cảnh nói: “Thật ra thì hai tầng trời kia có thật nữ, vẫn còn lệ thuộc, như nhà của Duy-Ma-Cật có một muôn hai ngàn thiên nữ theo ma trở về cung, trong đó thiên nữ hoặc biến hóa, hoặc thật, hoặc không có lệ thuộc vương mắc, thì sao lại theo ma trở lại cung trời kia?”

Phần thứ sáu, trong sinh kiến lập, nói bất động nghĩa là vì lấy lìa thọ biến dị của tính lực thứ tư, nên nói như thế.

Thứ bảy, là tự thể: Du hí vọng niệm và ý phần thiên. Luận sư Cảnh giải thích: “Đây chính là bốn tầng trời không cư của cõi Dục, hai tầng trời dưới đều thuộc câu cú, vì phi thiên giết nên sau Bồ Khuyết hỏi:

“Khi Đế-thích chiến đấu với Tu-la, bốn vị trời trên đều sai các trời đến giúp Đế-thích, ngăn giữ bốn phía núi Tô mê-lô, tại sao không chiến đấu với Phi thiên?”

Giải thích: “Chỉ giúp giữ thành chứ chẳng phải chiến đấu” với nhau. Nếu vậy, bốn tầng trời trên không tự hại trời, không giết Tu-la thì không có nghiệp sát, làm sao khiến cho các vị trời có mười nghiệp ác?”

Giải thích: “Nói chung, các tầng trời dục gây ra mười nghiệp ác, đâu phải sáu trời đều tạo khắp?”

Hỏi: Nếu lấy văn này, tức chứng tỏ ý vọng niệm du hí oán giận nhau khắp ở bốn tầng trời không cư, vì sao luận Đối Pháp, quyển ba nói trong hai mươi bốn đã sinh, nói là thanh tịnh đã sinh ý phần oán nhau. Trời Lạc biến hóa trời Tha hóa tự tại, các trời cõi Sắc, Vô Sắc phần nhiều buông lung, cho nên tùy theo sự thích ứng với các trời nên đối với cảnh được thọ dụng và nơi cư trú nhất định tự tại mà chuyển.

Không thanh tịnh đã sinh: Nghĩa là trời còn lại kia, văn này là nói trời Da-ma, gọi là Du hí vọng niệm, trời Đổ-Sử-Đa, gọi là ý phần oán nhau.

Kế là nói riêng về trời Lạc biến hóa, và trời Tha hóa.

Pháp sư Huyền Trang giải thích: “Vì bốn tầng trời không cư riêng của cõi Dục, nên nói rằng: Do trời Tha hóa tự tại chỉ thuộc thứ sáu, trời Lạc biến hóa chỉ thuộc tứ năm, cho nên nói ý phần oán nhau thuộc về trời thứ tư; còn Du hí vọng niệm thuộc trời thứ ba.

Về mặt đạo lý, Du hí vọng niệm và ý phần oán nhau có ở cả bốn tầng trời không cư, vì hai tầng trời địa cư hành dục giống như con người. Cho nên không gọi là thanh tịnh đã sinh, bốn tầng trời không cư chỉ co ôm nhau, cầm tay nhau, nhìn nhau cười, việc hành dục nhẹ, cho nên được gọi là thanh tịnh đã sinh. Theo Trí luận kia, vọng niệm, ý phần đều có cả ở sáu tầng trời cõi dục, trong câu cú nghĩa là phần vị đã sinh v.v... của xứ chúng sinh kia. Giả sử phần vị của yết-lạ-lam phi xứ đến lúc phần vị đã sinh, thấp sanh, hóa sinh v.v... đều là trường điểm này.

Nay, thuận với văn trước, nếu nói xứ sinh kia, phần vị đã sinh thì sứ giả của Đức Như lai trong “Câu phi”, như kinh Niết-bàn chép: “Mẹ của Trưởng giả thọ Đề lúc mang thai Thọ-đề, Đức Phật thọ ký là nam. Về sau, khi chưa sinh thì người mẹ, qua đời, ngoại đạo cười chê Phật thọ ký không đúng. Ngày hỏa thiêu người mẹ, Phật bảo người sứ bước vào lửa, nhặt lấy đứa hài nhi. Dù là mất, nhưng con của mẹ vẫn không chết. Nhờ Phật lực, nên lửa không đốt sứ giả. Đức Phật chỉ thọ ký đứa con,

không thọ ký người mẹ, cho nên nói là không lường dối.”

Hỏi: Hai tầng trời trên cũng có trung, yếu thọ, vì sao không gọi là tự hại?

Đáp: Vì nghiệp bất định của tất cả chúng sinh, phần nhiều là tự vì phước đã hết, nên có trung, yếu, không đồng với các tầng trời cõi dục. Đến khi ăn, thường khởi hiện hạnh tăng thượng, chỉ hao hụt báo của trời, nên được gọi là tự hại.

Phần thứ tám, trong quả nhân duyên có hai:

1) Nêu bốn môn.

2) Tùy theo giải thích riêng.

Trong phần nói về tướng lại có hai:

1) Nêu chung, tướng của năm quả tướng nhân duyên, cái gọi là “Sinh đắc” và dụng thành xong.

2) Dựa vào năm hỏi đáp này mà giải thích riêng.

Môn đầu trong sinh, lấy gì làm trước? Là hỏi về nhân, lấy gì để kiến lập? Lấy gì để hòa hợp? Là hỏi về duyên, pháp nào sinh? Là hỏi về quả. (Từ đây trở xuống, các câu hỏi so sánh đồng với đây).

Là tự hạt giống trước nhất, là nói huân tập, để làm nhân duyên.

Sức nội phần trong đắc, có bảy đức:

Che hướng sự nghiệp, do nhiều tư, giác, phát sinh các sự nghiệp. Não loạn tâm họ, bỏ bê việc tu phẩm thiện, gọi là ngăn che sự nghiệp, không có ngăn che sự nghiệp này.

Sức ngoại phần có năm đức:

Giáo pháp vẫn tồn tại, dù Đức Phật đã diệt độ mà pháp vẫn an trụ, trong thành lập, sở tri, thắng giải, ái, lạc là trước.

Muốn lập nghĩa, thì phải hiểu Tông của mình, và người, cho nên nói là sở tri thắng giải.

Lại, tùy theo sự ưa thích của mình là pháp được thành lập, đây là nhân. Trong biện luận thì ái là trước v.v... Nghĩa là đại ý nói, do ái của quá khứ là trước; Thân hiện tại là kiến lập v.v..., giả có tình (Căn) an trụ.

Hạt giống danh ngôn trong dụng là nhân trước hết, Thể của pháp sinh khởi là chủ thể kiến lập. Lúc sinh, các duyên là sự hòa hợp.

Tác dụng của pháp lập là quả, luận Hiển Dương quyển mười tám chép: “Chính sinh trước kia là kiến lập duyên của sinh trước là hòa hợp v.v...”

Nói trong kiến được chia làm ba:

1) Quả y của nhân duyên dựa vào xứ để lập.

2) Giải thích về nghĩa quả của nhân duyên.

3) Có ba lớp “Lại nữa”, chỉ rõ nhân kiến lập, trong phần đầu là ba y xứ. Lập bày nhân: Thể là y xứ, nghĩa gọi là nhân, nghĩa nương vào thể mà lập, cho nên nói mười nhân nương mười lăm xứ. Tên của y xứ: Nói nhân tức y xứ, cho đến vô chướng ngại thì y xứ, đều là trì nghiệp, đã nương vào y xứ tức kiến lập nhân, tùy thuyết tức là nhân, cho đến không trái nhau tức là nhân, cũng đều là trì nghiệp. Y xứ đầu tiên, thể chỉ là ngữ, ngữ nạt gọi là Nhân, hiển bày nghĩa quả. Trong văn nói: gọi là trước nên tướng v.v... khởi nói do thứ lớp, trước nói ba cõi hệ không ràng buộc pháp, cộng lập giả danh. Tùy theo thấy nghe, v.v... muốn nói pháp đặc biệt tìm danh tướng, vì tướng nên khởi nói, lãnh thọ y xứ, vì sở quán đợi năng thọ, sở thọ làm tánh. Năng thọ thì thọ số, sở thọ thì tất cả pháp. Nay văn luận này dùng quán đái làm nhân. Lại chỉ nói về nhiễm tịnh, không có vô ký, tập khí y xứ dùng tất cả thật chủng, giả chủng hữu lậu, vô lậu trong ngoài ở vị chưa thành thực làm tự tánh. Văn này chỉ nương hạt giống tạp nhiễm để nói, tịnh nghiệp, bất tịnh nghiệp dẫn trong ngoài khác nhau, không y theo nhân thanh tịnh vô ký để nói. Duy thức giải thích rộng, hạt giống có thấm nhuần y theo thể đồng tập khí. Chỉ thành tựu vị không đồng với trước, ở đây cũng chỉ nói về nhiễm, trong nhiễm chỉ nói nghiệp, không nói hạt giống danh ngôn, là nương vào trước mà nói, trong nhân nhiếp thọ, y xứ của cảnh giới vô gián diệt tức là hai duyên, căn thì sáu căn, tác dụng y nghĩa này trừ nhân duyên còn lại xa giúp cho hiện duyên tạo ra tác dụng đầy đủ.

Sĩ dụng y. Nghĩa là ngoại trừ nhân duyên, trực tiếp tạo ra tác dụng, tác giả của hiện duyên.

Năm nhiếp thọ này nói về pháp hữu lậu. Nói chung, dù là như vậy, mà vẫn khác nhau, nghĩa là nếu pháp tâm, tâm sở trong cõi Dục thì nhờ vào nhân nhiếp thọ của năm thứ y xứ như thế, mà sinh, nếu là, sắc bất tương ứng hành thì chỉ thuộc về nhờ vả ở tác dụng, sĩ dụng để nhiếp thọ nhân, sinh ra.

Lại nữa, tác dụng rộng rãi chung cho cả tình, phi tình, còn tác dụng của sĩ thì hẹp, chỉ ở số sinh, như hai cõi trên của cõi Dục cũng thế.

Chân kiến y xứ: Lấy kiến vô lậu làm tánh, trừ dẫn đến tự chủng. Đối với pháp tương ứng có thể giúp, đối với vô lậu sau, có thể dẫn, đối với vô vi có thể chứng.

Luận Duy Thức chép: “Đủ sáu nhiếp thọ nói về vô lậu. Ở đây nói, hoặc giả là lời lẽ không nhất định, ý sáng tỏ, chứ không phải chỉ nhiếp thọ chân kiến, nói về vô lậu.”

Tùy thuận y xứ: Dùng lậu của ba tánh hữu vi với hạt giống vô lậu, hiện có thể thuận với “Hữu” sau, làm giới của mình, giới của người, và quả vô vi, năng dẫn làm tánh.

Lời của phẩm Thắng trong văn, là phân biệt phẩm này đồng phẩm hạ phẩm chẳng phải như nhân Đồng loại, nếu sinh đắc thiện và chín phẩm pháp nhiệm ô đối nhau được làm nhân, hoặc thiện phương tiện với nhân đẳng thắng. Nhưng, nhân dẫn phát này đối với pháp của người cũng được làm nhân.

Nhân đồng loại chỉ lấy tự, tha làm quả, cho nên tác dụng của hai nhân có rộng hẹp lẫn nhau.

Nói pháp thiện lệ thuộc cõi Dục có thể dẫn đến lệ thuộc cõi Sắc và pháp không lệ thuộc. Đây là dựa vào địa vị khởi thiên của các Đại Bồ-tát, Độc Giác, Thanh văn, Ba-la-mật-đa, đều được dẫn sinh nhau. Nhưng quyển mười hai chỉ nói Bồ-tát của kiếp thứ ba, và Đức Như lai có thể khởi tất cả địa, nghĩa là y cứ không do công dụng, nhậm vận (tự nhiên) vượt qua địa vị mà khởi nói.

Nói pháp vô ký năng dẫn ba tánh thuận theo y xứ. Nghĩa là tác dụng thuộc các hạt giống quy về tánh, có thể nói là vô ký. Đem nhân thuộc tánh quả, mới chung cả ba tánh. Nay, y cứ nhiếp dụng quy tánh, đồng nghĩa tánh với thức.

Nói vô ký dẫn sinh ba tánh, ngoại trừ ba tánh này, các hiện đối với hiện; các hạt giống đối với hạt giống, không có tánh riêng, thành nhân tùy thuận, công năng sai khác, dựa vào tất cả hữu vi đều là tự quả hữu vi, có thể khởi vô vi, có thể chứng để làm tự tánh.

Trước tùy thuận y kia, nói về tánh, thì hẹp, vì ở tự tánh. Nói về giới thì rộng, vì dẫn sinh ba cõi.

Sai khác y này, nói về tánh thì rộng; vì chiêu cảm Dị thực, nên nói về giới thì hẹp, vì ở tự tánh, chỉ vì mỗi giới mình, mỗi định đều riêng.

Tùy thuận y ở trước đối với kém thì chẳng nương. Sự sai khác này dựa vào tất cả đều được.

Hòa hợp y, tức lấy lãnh thọ y thứ hai, cho đến y xứ của công năng sai khác làm thể.

Luận sư Trắc hỏi: “Sáu nhân trước nói về nghĩa đã đủ rồi, cần gì phải lập riêng nhân đồng sự?”

Đáp: Sáu nhân trước là riêng; đồng sự là chung, vì chung riêng khác nhau.

Hỏi: Trong “Duyên” là sao?

Đáp: cũng có chung, riêng, cái gọi là ba duyên là riêng; duyên

tăng thượng là chung. Nhưng trong nhân có hai thứ:

1) Lược cho rằng sáu nhân trước là thuộc về nhân đồng sự.

2) Rộng thì cho rằng tám nhân trước thuộc về bất tương vi, trừ nhân tương vi.

Như Duy Thức nói sinh, trụ thành được bốn quả, thành có hai thứ:

1) Lập.

2) Nói rõ.

Gồm thân thành này, để nói không có tác dụng này.

Trụ, nghĩa là thủy luận nương vào phong luân v.v..., luận này không có, vì sao hai luận lấy, bỏ khác nhau? nghĩa là ý thú của hai luận vì đã so sánh hai luận đó là thể không có, cho nên không nói.

Không có trụ này, vì xa nên không nói.

Chướng ngại y xứ. Nghĩa là tất cả hữu vi, vô vi trái với sinh v.v... đều là thể.”

Hỏi: “Các pháp vô vi này vì sao ngăn ngại?”

Giải thích: “Nếu nương vào “hư Không” để xây dựng nhà cửa v.v... thì không được thành v.v... tức là nghĩa nhân chướng ngại vô vi.”

Hỏi: Sự trái nhau này lấy gì làm quả?

Giải thích: Do sức chướng ngại làm cho pháp bất sinh và bất trụ v.v..., tức là quả của nhân. Quả này chính là pháp sẽ sinh ở vị lai, do chướng ngại hiện tiền, nên không được sinh, chẳng phải pháp hiện tại đã khởi, nêu tự nhiên diệt.

Vô chướng ngại y: Nghĩa là pháp không chướng ngại ở trong sự sinh v.v... dùng chung cho tất cả pháp hữu vi, vô vi làm thể. Dựa vào hạt giống “Duyên” y xứ, để lập ra nhân duyên v.v...

Duy Thức có hai thuyết:

1) Tập khí thứ ba, có thối thứ tư nhuần, mười một tùy thuận; Mười hai sai khác; mười ba hòa hợp; mười lăm không chướng ngại. Hạt giống của các nhân duyên trong sáu y xứ này, đều gọi là hạt giống “Duyên” y xứ. Dựa vào hạt giống đó để lập nhân duyên. Trừ thứ ba, thứ tư, bốn y xứ khác tất cả hiện hành, phần nhiều dứt trừ, cho nên không nói. Hoặc vì thuyết kia năng nói về quả, nên cũng gọi là hạt giống.

Y xứ của cảnh giới Vô gián diệt: Nên biết, đều hiển bày y xứ của hai duyên . duyên Đẳng vô gián, duyên sở duyên, chẳng phải chỉ có vô gián diệt thứ năm. Trong duyên y xứ của cảnh giới thứ sáu, cũng có nghĩa của hai duyên trung gian, trừ duyên này, xứ khác đều là duyên tăng thượng.

2) Hạt giống chỉ thuộc về hạt giống y xứ có thắm nhuần thứ tư. Dựa vào hạt giống này mà lập nhân duyên, trực tiếp năng sinh quả, vì rõ ràng, nên nói riêng. Danh còn lại v.v... vì xa, ẩn, nên lược qua không nói.

Vô gián chỉ có thứ năm; cảnh giới chỉ có thứ sáu, như danh tự làm sáng tỏ pháp còn lại trong y xứ. Dù có hai thứ này, nhưng vì ẩn, cho nên không nói đến.

Ba hạt giống này làm rõ ba duyên đầu. Mười hai xứ còn lại đều thuộc về duyên tăng thượng.

Chẳng phải chỉ có tăng thượng dựa vài tập khí, tùy thuận v.v... để nói về thể của năm quả. Quả Dị thực lấy tất cả nghiệp đã chiêu cảm năm uẩn vô ký làm thể.

Báo riêng giả sử là chung, gọi là chung là quả Đẳng lưu Dị thực, lấy tất cả ba tánh hữu vi, hữu lậu, vô lậu phẩm đồng của tự loại của pháp kém sinh ra pháp vượt hơn của phẩm đồng ở sau, và quả sau làm tánh.

Luận Du-già, Duy Thức đều nói: “Hoặc giống với nghiệp trước, quả sau tùy chuyển, như do sát sinh, bị chết yếu. Đây là thật tăng thượng, giả gọi là Đẳng lưu, vì mạng ngắn đồng.”

Quả ly hệ do dứt trừ chướng phiền não và được quả đã chứng Trạch diệt chân như làm tánh. Dứt chướng sở tri mà được Trạch diệt v.v..., chỉ là quả tăng thượng. Vì thể của chướng sở đoạn không phải là pháp trói buộc, nên cái mà sáu hạnh được cũng thuộc tăng thượng, vì không dứt đi hạt giống.

Quả sĩ dụng có hai nghĩa:

1) Năm uẩn giả: Nghĩa là do tác dụng mà được bốn trần làm tánh. Quyển ba mươi tám nói: “Vì lấy việc xem bói lúa mạ làm tự tánh.”

2) Đều lấy tất cả hữu vi, vô vi làm tánh, các pháp riêng biệt gọi là sĩ phu. Ở đây chiêu cảm được câu sinh vô gián cách biệt, vì không sinh ra quả của bốn hạt giống.

Quả tăng thượng, lấy tất cả hữu vi, vô vi làm tánh, là tánh rộng vẫn nói: “Dựa vào tập khí, thuận theo nhân duyên y xứ, lập ra quả Dị thực và quả Đẳng lưu v.v...”. Duy thức phối hợp riêng vẫn trong đây nói: “Tập khí y xứ được quả Dị thực. Tùy thuận y xứ được quả Đẳng lưu, đều được quả riêng, vì có công năng vượt hơn.”

Tách rời nói riêng mà nói, không phải tập khí xứ thì không được Đẳng lưu. Duy Thức giải thích: “Được trong năm quả này có hai thuyết”

1) Tập khí xứ: Tức biểu thị rõ ở thứ ba, thứ tư, mười hai, mười ba, mười lăm, năm y xứ này được quả Dị thực.

2) Tùy thuận xứ: Tức nói về thứ ba, thứ tư, thứ chín, thứ mười, mười một, hai mươi, ba mươi lăm, hoặc lấy tác dụng thứ tám. Như thế, hoặc tám, hoặc chín, các y xứ này được Đăng lưu.

Chân kiến xứ: Tức nói rõ thứ mười, mười, một, mười, hai, mười. Ba mươi lăm, hoặc thứ tám, thứ chín. Như thế, hoặc năm, hoặc bảy, các y xứ này được quả ly hệ.

Sĩ dụng y xứ khi có hai nghĩa:

1) Năm uẩn giả.

2) Từng pháp riêng.

Như thuyết trong quả trước nói, nếu dựa vào nghĩa đầu, thì chứng tỏ thứ hai, thứ chín, thứ chín, mười ba, mười lăm, bốn y xứ này được quả sĩ dụng.

Nếu theo nghĩa sau, thì biểu thị rõ thứ hai, thứ ba, thứ tám, thứ chín, thứ mười mười, mười một, hai mươi, ba mươi lăm, mười y xứ này được quả sĩ dụng.

Các thừa khác: Tức hiểu rõ thứ nhất, thứ năm, thứ sáu, mười bốn, bốn y này hoàn toàn, trong mười một y còn lại tùy theo sự thích ứng với phần ít được quả tăng thượng, vì được chỗ còn lại của bốn quả trước, không như vậy, thì lẽ ra quá rộng, quá hẹp.

Tập khí chỉ thứ ba được quả Dị thực, tùy thuận chỉ thứ mười một được quả Đăng lưu.

Chân kiến chỉ có thứ mười được quả ly hệ, Sĩ dụng chỉ có thứ chín được quả sĩ dụng. Mười một thứ còn lại được quả tăng thượng, mỗi thứ đều tùy theo nghĩa, thêm danh của nó được hiển bày. Nói riêng được quả, chẳng phải quả khác không được, rõ ràng như trong luận.

Kế là trong nghĩa giải thích.

Hỏi: Nếu thuận ích là nghĩa nhân, thì sao lại lập nhân trái nhau?

Luận sư Bị đáp: Giải thích pháp trái nhau, đối với chướng ngại, vì tạo nên thuận ích, cũng được nói nghĩa thuận ích là nghĩa nhân.

Ba lớp “lại nữa”, nói lên kiến lập trong nhân.

“Lại nữa” đầu là nói về nhân gần, xa.

“Lại nữa” kế, là nói về nhân bảy nhiễm tịnh.

“Lại nữa” sau, là nói về nhân bảy tướng.

Trong “lại nữa” đầu, năng sinh phương tiện, gồm thấu hết mười nhân, ba nhân còn lại chỉ ở trong hai nhân trước tùy theo nghĩa kiến lập, Duy thức có hai thuyết.

1) Nói: “Dẫn dắt, sinh khởi, dẫn phát, quyết định sự việc đồng, khác không trái nhau. Trong sáu nhân này, hoặc hiện, hoặc chủng là nhân duyên, đều gọi là “năng sinh”(chủ thể sinh), vì nói về quả gần. Bốn nhân khác và sáu phần ít đều là nhân phương tiện, vì giúp đỡ xa khởi lên.”

2) Nói: “Chỉ có nhân sinh khởi, gọi là nhân “Năng sinh”, chín nhân còn lại, gọi là nhân phương tiện. Nhân sinh khởi cách quả gần, nên nói riêng, chẳng phải chỉ có nhân duyên. Nhân còn lại phần nhiều vì giúp xa, nên nói riêng, chẳng phải không có nhân duyên. Nhưng Bồ-tát Địa nói: “Dẫn dắt sinh khởi, hai hạt giống này gọi là nhân “năng sinh”, thuộc về phương tiện còn lại”, cũng có hai thuyết, e rườm rà nên thôi.

Trong “Lại nữa” thứ hai, lưu chuyển là nhân sinh tử, nhân này có đáng ưa, không đáng ưa và tăng trưởng, hoàn diệt, nghĩa là xuất thế cũng có đáng ưa và tăng trưởng. Đáng ưa và không đáng ưa là nhân của chi “hữu”.

Tăng trưởng là danh ngôn, vì tăng trưởng chi “hữu”, hoặc trước chưa có, nay có, gọi là đáng ưa, không đáng ưa. Trước kia đã có, nay gặp sự thấm nhuần gọi là nhân tăng trưởng.

Bảy tướng trong “lại nữa” thứ ba: luận này và Nhiếp luận, Duy thức, về sáu nghĩa nhiếp nhau thế nào?

Nghĩa là thứ nhất, vô thường, tức lúc sát-na diệt, mở ra tướng.

Thứ hai làm nhân cho tánh khác, tức hợp với “Câu hữu”, làm nhân có tự tánh sau, tức hợp với hàng đuổi theo.

Thứ ba, đã sinh chưa diệt, trở thành “câu hữu” ở trước, theo đuổi hai nghĩa.

Thứ tư, được duyên khác, tức hợp với nghĩa các duyên đối đãi thứ năm kia.

Thứ năm, thành tướng biến khác, làm rõ nghĩa các duyên đối đãi thứ năm.

Thứ sáu, công năng tương ứng, tức hợp với tánh quyết định thứ tư kia.

Thứ bảy, gọi là nhau, thuận nhau, tức thích hợp với việc dẫn đến tự quả thứ sáu.

Từ trên đến đây, đã giải thích về môn giới ban đầu của địa này xong.

Thứ hai, là giải thích trong tướng. Thể tánh của Tâm, từ, nghĩa là hoặc tư, hoặc tuệ, hoặc tìm kiếm, so lường, hoặc không tìm kiếm so

lượng, như thứ lớp.

Ngài Tam Tạng nói: “Dựa theo Du-già là đúng, hội với luận Đối pháp kia, Lẽ ra trái với thích hợp thuộc về thứ lớp: Nếu không so lượng là tư, so lượng là tuệ, thì là tầm, tứ. Lúc không so lượng, thì đều lấy Tư làm tánh, Nếu khi so lượng thì đều lấy tuệ làm tánh. “Duyên” nghĩa danh thân v.v... làm cảnh, Duy thức có hai thuyết:

- 1) Năm thức cũng đều.
- 2) Chỉ ý cùng với thức.

Văn luận này làm chứng, chỉ nói là “Duyên”, nghĩa danh v.v... không nói “Duyên” sắc v.v...

Sự sai khác của Tầm, tứ: Có bảy thứ sai khác v.v... Văn giải thích đủ: “Nếu dựa theo văn trong đây nói về sự khác nhau giữa tầm, tứ thì còn bảy thứ, như ở trước đã phân biệt nói, tức biết quyển hai ở trước nói về bảy thứ phần đều ở ý địa.

Phân biệt nhậm vận trong bảy, tức lấy năm thức đồng “Duyên” ý thức. Bảy phân biệt tương ứng với tư, tuệ đều là sự khác nhau của tầm, tứ.

Pháp sư Huyền Trang trước kia đã phán quyết tự tánh phân biệt là thức đồng “Duyên” với ý thức.” Về sau, phán quyết Du-già đã nói nhậm vận phân biệt là năm thức đồng “Duyên” với ý thức, không đồng với luận Đối Pháp, rằng năm thức kia là tự tánh phân biệt trong ba phân biệt, trở lại là tầm. Từ làm thể. Các Tầm, tứ, tất nhiên là phân biệt.

Duy thức quyển bảy có hai sự:

1) Phân biệt chỉ có hữu lậu, là phân biệt thứ ba trong năm pháp, cho nên thể của tầm, tứ không có cả vô lậu.”

2) Phân biệt có cả vô lậu, vì trí hậu đắc đều có phân biệt, tức thể của tầm, tứ cũng có cả vô lậu. Ở đây phân biệt nói tất nhiên chẳng phải phân biệt trong năm pháp.

Tầm, tứ của Na-lạc-ca dẫn phát ở khổ tương ứng với ưu. Duy thức có hai thuyết:

1) Năm thức có tầm, tứ, ý thức tiếp nhận gọi là ưu. Nói dẫn phát khổ ở đây, nghĩa là ý đều có tầm, tứ, năng dẫn phát khổ, không nói là năm thức chẳng có tầm, tứ, vì phần nhiều nối nhau vượt hơn, tương ứng với ưu, không ngăn ngừa khổ cụ, cũng không có lỗi.

2) Năm thức không có tầm, tứ, văn này làm chứng, như văn rất dễ hiểu.”

Không nói xả: Nghĩa là tất cả tâm sở vì nhất định đều có ý bức bách, tiếp nhận thật là khổ căn, dường như ưu, gọi là ưu. Hoặc tùy theo

tông khác, ý buồn bã, được gọi là ưu, không trái nhau.

Đại văn thứ ba, văn trong tác ý như lý được chia làm hai:

- 1) Mở ra thứ lớp tám tướng, giải thích riêng.
- 2) Giải thích nghĩa khó trong việc trước.

Sáu y xứ kia, quyển năm mươi lăm chép: “Lúc quyết định, có niềm tin; khi thôi dứt nhiệm, có tầm, quý. Lúc bắt đầu làm việc thiện, có ba thiện căn tinh tấn. Khi thế gian đạo, có khinh an; lúc xuất đạo, có bất phóng dật, xả. Khi nhiếp chúng sinh, có bất hại.

Duy thức quyển sáu, có hai thuyết:

1) Các điều thiện không hẳn đều khởi chung, lấy văn này làm chứng.

2) Trừ khinh an, các việc thiện khác đều có. Quyết Trạch phần nói: Mười “Tâm thiện, mà nhất định, bất định đều có tâm thiện. Vì thêm khinh an trong tâm của địa định, nên nói là sáu phần vị khởi.

Mười một, là nương vào có tăng kia, để làm các thuyết này.

Thứ ba trong tám thứ việc là tu bốn vô lượng.

Thứ sáu, tu ngoại trừ vô lượng, tất cả tu còn lại nằm trong tám việc này.

Ba việc đầu, thí, giới, tu ba phước nghiệp, việc ngoài thế tục. Ba việc kế, là trong ba tuệ hơn nghĩa tu. Hai lợi trí đức, ân đức thứ bảy, thứ tám viên mãn, nên chỉ tám sự.”

Hỏi: Nếu dựa theo văn này thì tâm, từ có thể thông suốt địa vị định, sao lại nói chỉ ở ba địa?

Ngài Tam Tạng có hai giải thích:

1) Văn này vì y cứ ở phương tiện, nên có tâm, từ. Đúng ra ở đa vị thì không có tâm.

2) Trong định Vị Trí thì có tâm, từ; còn trong định căn bản thì không. Trong thọ dụng, người không nhiệm thì không sinh phiền não, người không trụ thì bất trụ. Người không mê đắm, sẽ không phân chia yêu thích. Người không trói buộc, sẽ không bị ràng buộc, xả các nghiệp lành. Người không buồn bã, thì không ưa khổ sinh ra. Người không vướng mắc, thì không tham ái sinh ra, cũng không chấp vững chắc được sự mâu nhiệm thù thắng v.v...

Thứ hai là giải thích trong nghĩa văn hỏi được chia làm ba:

1) Giải thích về thế tục ngoại, học thí giới tu ba nghiệp phước, nghĩa là tướng.

2) Lại, người thọ thí v.v... trở xuống, là giải thích về nghĩa vượt hơn bên trong. Người học ba tuệ, nên thọ thí kia.

3) Lại, có sáu thứ nhiếp ích v.v... trở xuống, là giải thích về bảy tám trí đức, ân đức ở trước, trừ kẻ nghèo thiếu, chính là bỏ đi sự thiếu thốn cho người không vì mong muốn trả ơn.

Người làm ruộng cầu là nhân khởi sông sinh tử. Không hiện hạnh, nghĩa là dù thực hành thi-la, mà không biểu hiện tướng, đối với pháp xuất thế, muốn nhằm chán thế gian.

Dẫn nhiếp thanh tịnh, nghĩa là thân thông v.v... dẫn nhiếp chúng sinh.

Thắng giải thanh tịnh, nghĩa là ấn trì thắng giải, tu bốn vô lượng v.v...

Trí thanh tịnh : Nghĩa là tâm định không có nhiễm, phát trí thanh tịnh.

Thọ học trong văn thứ hai: Nghĩa là khi thọ học ba học, nên thọ thí.

Mạng sống, nghĩa là không kinh doanh sự nghiệp khác, chỉ vì mạng sống mà thọ lãnh của bố thí. Nghèo thiếu, nghĩa là thiếu thốn đủ thứ, cho nên, thọ thí.

Khi xả nghĩa là buông bỏ việc cần dùng, cho nên thọ thí.

Tiên du nghĩa là rời chỗ cũ, nên không có vật thọ thí.

Mê đắm: Nghĩa là tự không ít của cải, vì đắm say, vướng mắc, nên thọ người thí.

Dưới đây là nói về người thọ thí, còn có tám thứ, sáu thứ tổn não.

1) Có che lấp tổn não: Nghĩa là lao ngục v.v..., bị người khác che lấp, không được tự tại.

2) Câu sinh: Nghĩa là từ sinh đến già, tánh nặng nề ưu não.

3) Bức thiết, nghĩa là bị khổ ràng buộc thân.

4) Thời tiết đổi khác, nghĩa là lạnh nóng không điều hòa.

5) Rỉ chảy, nghĩa là phòng nhà, rách nát.

6) Sự nghiệp thôi bỏ, nên sinh tổn não (buồn phiền).

Thứ ba là giải thích trong bảy, tám trí đức, ân đức ở trước, được chia làm bảy:

1) Trong sáu nhiếp ích, nhậm trì tức là bốn cách ăn.

2) Mạnh mẽ, không có hao hụt, nghĩa là bốn đại đồng đều, lại oai thế dẫn tiếp.

3) Che giữ, nghĩa là nhà, hiên v.v... hoặc che, giữ đồ chúng.

4) Ở chung nhiếp ích, nghĩa là không phiền não, đồng cư trú, giữa hai bạn thiện, ác với nhau.

5) Dẫn dắt kẻ không yêu kia, nghĩa là dẫn nhiếp kẻ thù.

6) Ngăn ngừa điều mà người kia yêu thích, nghĩa là ngăn cách bạn hiểu biết kia.

7) Dẫn đến những việc không được thích nghi, như trao cho thuốc độc v.v...

Ba dẫn nhiếp; Bốn tùy chuyển, cung cấp, phụng sự cho người kia mà chuyển biến theo người kia; Năm là do sự cung cấp, phụng sự này, nương theo bốn xứ được năm quả.

Không có chỗ nhiếp thọ, tức chẳng biết người cũ, vì trước chẳng nhiếp thọ.

Không có chỗ nào hại, tức các bạn thân.

Chỗ nên cúng dường, tức là người đáng tôn trọng.

Chỗ đồng phần tùy chuyển, tức phước tuệ, nghĩa là người có đủ phước, tuệ là người mà đa số người đều quy hướng về. Đã quy hướng mong cầu học phước, tuệ, với đồng phần kia, gọi là đồng phần tùy chuyển.

Được năm quả, nghĩa là đối với bốn chỗ, cúng dường, vì phụng sự tùy chuyển thực hành bố thí v.v... nên đều được năm quả, không phải đều chiêu cảm riêng.

Người thông minh, là trong tướng, đối với điều lành, quyết định tin không nghi ngờ, đối với việc thiện thường tỏ ra vững bền mạnh mẽ không bao giờ lùi bước.

Tướng của ba học.
